Mẫu biểu số 74

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa
Chương: 599

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 255 /QĐ-TTXT ngày 22/10/2026
của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	***Số thu phí, lệ phí***	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	
1	Chi quản lý hành chính	
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**0**
3.1	***Kinh phí thường xuyên giao tự chủ***	***0***
3.2	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	***0***
3.2.1	*Kinh phí tổ chức Chương trình đào tạo Quản trị Du lịch và Khách sạn tại tỉnh Khánh Hoà*	*0*
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**0**
6.1	***Kinh phí thường xuyên giao tự chủ***	***0***
6.2	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	***0***
6.2.1	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	(100.000.000)
6.2.2	Chương trình sử dụng năng lượng Tiết kiệm và hiệu quả	100.000.000
6.2.3	Chương trình khuyến công địa phương	168.807.000
6.2.4	Lĩnh vực quản lý CCN (Kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Diên Phú năm 2026)	(40.807.000)
6.2.5	Chương trình Sản xuất và tiêu dùng bền vững	(128.000.000)

Mẫu biểu số 73

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa

Chương: 599

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 255 /QĐ-TTXT ngày 22 /10/2026
của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
I	**Số thu phí, lệ phí**			
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**			
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**			
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**			
2	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**			
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**0**	**0**	**0**
3.1	***Kinh phí thường xuyên giao tự chủ***	***0***	***0***	***0***
3.2	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	***0***	***0***	***0***
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**			
5	**Chi bảo đảm xã hội**			
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**	**0**	**0**
6.1	***Kinh phí thường xuyên giao tự chủ***	***0***	***0***	***0***
6.2	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	***0***	***0***	***0***
6.2.1	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	(100.000.000)	(100.000.000)	(100.000.000)
6.2.2	Chương trình sử dụng năng lượng Tiết kiệm và hiệu quả	100.000.000	100.000.000	100.000.000
6.2.3	Chương trình khuyến công địa phương	168.807.000	168.807.000	168.807.000
6.2.4	Lĩnh vực quản lý CCN (Kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Diên Phú năm 2026)	(40.807.000)	(40.807.000)	(40.807.000)
6.2.5	Chương trình Sản xuất và tiêu dùng bền vững	(128.000.000)	(128.000.000)	(128.000.000)